

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐÒN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 14 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021
(có Danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Văn Phòng HĐND&UBND thị xã chịu trách nhiệm đăng tải thông tin xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên trang thông tin điện tử của thị xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã, Trưởng Phòng Tư pháp; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Hội đồng đánh giá CTCPL thị xã;
- Trang thông tin điện tử TX;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PTP.

CHỦ TỊCH

Đoàn Minh Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ba Đồn, ngày tháng 01 năm 2022

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND thị xã Ba Đồn)

STT	Tên xã, phường	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
I	Loại I							
1	Xã Quảng Sơn	95	13	30	23	8,5	20	98,5
2	Phường Quảng Thọ	85	14	27	17,5	6	20	97
II	Loại II							
3	Xã Quảng Văn	93	12,5	30	21,5	8,5	20	100
4	Phường Quảng Phúc	91	15	26	21,5	8	20	100
5	Phường Ba Đồn	91	14	27,5	20	9,5	20	98
6	Xã Quảng Trung	90	13	29	21	7	20	99
7	Xã Quảng Minh	89	12	26	21,5	9,5	20	97,5
8	Phường Quảng Thuận	87	14	28	17	8	20	96

9	Phường Quảng Long	87	15	27,5	18	6,5	20	100
10	Xã Quảng Lộc	86	13	25,5	19,5	8	20	97,83
11	Xã Quảng Hòa	85	14	25,5	17,5	8	20	100
12	Xã Quảng Tiên	83	11,5	24,5	18,5	8	20	100
III	Loại III							
13	Phường Quảng Phong	89	14	28	18	9	20	100
14	Xã Quảng Thủy	86	13	27	19	7	20	99
15	Xã Quảng Hải	86	12,5	28	18,5	7	20	98
16	Xã Quảng Tân	81	12,5	25,25	16,5	6,5	20	94